

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM
NHỮNG NĂM 1954-1975 MỘT SỐ VẤN ĐỀ
NHẬN THỨC LÝ LUẬN, LỊCH SỬ

PHÙNG HỮU PHÚ⁺

Nghiên cứu lịch sử hệ thống chính trị cách mạng ở Việt Nam là một lĩnh vực thật khó và cũng thật thú vị. Nếu lấy năm 1945 là mốc chính thức ra đời của hệ thống chính trị cách mạng ở nước ta, thì cho đến nay, hệ thống ấy đã trải qua 47 năm hình thành phát triển. Trong tiến trình vận động suốt gần 5 thập kỷ đó, hệ thống chính trị cách mạng Việt Nam có nhiều giai đoạn đặc biệt, mà giai đoạn 1954-1975 có thể coi là khoảng thời gian hết sức độc đáo. Tìm hiểu sâu diễn biến, thực trạng của hệ thống chính trị những năm tháng này sẽ gợi mở nhiều vấn đề lý luận thực tiễn thiết thực, bổ ích cho sự nghiệp đổi mới hiện nay. Tuy nhiên, muốn hiểu đúng, hiểu sâu một giai đoạn lịch sử phong phú, phức tạp như giai đoạn 1954-1975 cần phải có thời gian. Bài viết nhỏ này chỉ xin nêu ra một số suy nghĩ bước đầu- chắc chắn còn nông cạn.

1. Sự tồn tại đồng thời hai hệ thống chính trị cách mạng
ở hai miền đất nước là nét đặc sắc, độc đáo trong
chiến lược, sách lược cách mạng của Đảng ta.

1.1. Trước năm 1954 và sau năm 1975 trên đất nước ta chỉ có một hệ thống chính trị cách mạng, riêng giai đoạn 1954-1975 lại song tồn hai hệ thống chính trị cách mạng hoàn chỉnh ở hai phần Bắc - Nam vĩ tuyến 17.

Hiện tượng nói trên phản ánh đối sách chính trị vô cùng linh diệu của Đảng cộng sản Việt Nam chống lại thủ đoạn chính trị thâm độc của kẻ thù. Cuộc tổng tuyển cử riêng rẽ về việc xây dựng một quốc hội bù nhìn do Ngô Đình Diệm tiến hành chính bàn tay điều khiển của đế quốc Mỹ nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành một "quốc gia độc lập" đối đầu với chính phủ cộng sản Bắc Việt là một đòn hiểm ác đánh vào tâm não của dân tộc ta. Và trong hơn 20 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, Mỹ-Ngụy luôn luôn rêu rao trước dư luận quốc tế về cái gọi là "Cộng sản Bắc Việt xâm lược Nam Việt" hòng làm lẫn lộn trắng đen. Trong tình thế đó, với phương pháp cách mạng khoa học, Đảng ta chủ trương xây dựng từng bước một hệ thống chính trị cách mạng ngay trên

(+) PGS. PTS. Đại học Tổng hợp Hà Nội

địa bàn miền Nam, tạo thế đối đầu hợp pháp với kẻ thù ở sào huyệt của chúng ⁽¹⁾.

Sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20-12-1960, sau đó, của Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình (4-1968), của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn bên cạnh Chính phủ (6-1969) là thành công rất lớn trong nghệ thuật lãnh đạo cách mạng của Đảng.

1.2. Nếu nhìn về *hình thức*, hai hệ thống chính trị cách mạng ở hai miền đất nước những năm 1954-1975 là hai hệ thống hoàn chỉnh, hoạt động độc lập với nhau. Về cấu trúc, cả hai hệ thống đó đều có hạt nhân lãnh đạo là Đảng cộng sản (Đảng lao động Việt Nam- Đảng nhân dân cách mạng), có Nhà nước (Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa - Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam); có các đoàn thể chính trị-xã hội quần chúng (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam- Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam...) . Sự tồn tại hình thức này thật đến nỗi, giới đến nỗi thế giới phải công nhận; kẻ thù phải công nhận. Trên thực tế, sau khi ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đã đặt sứ quán ở gần 20 nước; đã cử đại diện ở một số tổ chức quốc tế, đã đặt cơ quan thông tin ở Pháp, Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, Phần Lan... ⁽²⁾ đã buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận có đại diện trung hòa đàm phán 4 bên ở Paris và buộc phải ghi vào Hiệp định Paris: ở miền Nam có hai chính quyền và ba lực lượng... ⁽³⁾

Đó là thắng lợi của chiến lược, chiến thuật cách mạng mà sức mạnh và hiệu quả của nó nằm trong nghệ thuật "hóa chỉnh" "vi linh", hư hư thực thực.

1.3. Trên thực tế, không có người Việt Nam nào không hiểu một sự thật: về *bản chất*, hai hệ thống chính trị cách mạng chỉ là hai bộ phận hữu cơ của một hệ thống chính trị thống nhất do một đảng cộng sản duy nhất của Hồ Chí Minh lãnh đạo. Điều kỳ diệu là ở chỗ, hai bộ phận này tuy thống nhất về bản chất, song đã khéo lựa chọn phương thức tổ chức và phương thức hoạt động phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện chính trị ở từng miền. Điều này làm cho hệ thống chính trị cách mạng Việt Nam những năm 1954-1975 trở nên hết sức linh động, phong phú, đa dạng, mà nếu đi sâu nghiên cứu từng bộ phận sẽ tìm thấy nhiều vấn đề có ý nghĩa.

2. Hệ thống chính trị ở miền Bắc - từ nhận thức lý luận đến sự tồn tại thực tế.

2.1. Ở miền Bắc, sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, về nhận thức lý luận, hệ thống chính trị nói chung, nhà nước dân chủ nhân dân nói riêng- theo cách hiểu trước đây, sẽ chuyển sang làm nhiệm vụ chuyên chính vô sản. Nói đến chuyên chính vô sản, theo cách hiểu phổ biến một thời, là nói đến việc xác lập bá quyền lãnh đạo toàn xã hội của giai cấp công nhân, trên cơ sở liên minh với nông dân và nhân dân lao động. Nói đến chuyên chính vô sản, cũng là nói đến tiền đề chính trị quan trọng bậc nhất của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là nói đến cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt giữa vô sản với tư sản, giữa lao động với bóc lột.

Trên thực tế, những năm cuối thập kỷ 50, đầu thập kỷ 60, hệ thống chính trị cách mạng ở miền Bắc đã vận động theo sự chỉ dẫn của một nhận thức lý luận như vậy. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III của Đảng ta đã chỉ rõ: "Phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử chuyên chính vô sản" ⁽⁴⁾. Hiến pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cũng ghi rõ: "Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo (...) Bảo đảm đưa miền Bắc

nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội (...) làm cơ sở cho cuộc đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà" ⁽⁵⁾. Những năm tháng này, quyền lãnh đạo "tuyệt đối, toàn diện, trực tiếp" của Đảng cộng sản được xác lập; bộ máy nhà nước được tăng cường trên cả ba bộ phận: các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, lực lượng vũ trang phát triển nhanh theo hướng chính qui hiện đại; các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội của quần chúng được mở rộng; hệ thống luật pháp từng bước được xây dựng...

Với sức mạnh của một hệ thống chính trị đang được củng cố, tăng cường, miền Bắc đã tiến hành cải cách ruộng đất; chinh đồn tồ chức; cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa; bước đầu công nghiệp hóa để xây dựng bước đầu cơ sở vật chất- kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi các cuộc tiến công của các thế lực thù địch...

Với những nỗ lực phi thường, hệ thống chính trị cách mạng đã góp phần quan trọng tạo ra những chuyển biến sâu sắc, căn bản trong đời sống kinh tế-xã hội ở miền Bắc- như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá "Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới" ⁽⁶⁾.

Song, nhìn một cách khách quan, bên cạnh những thành tựu to lớn đạt được, giai đoạn 1954-1964, miền Bắc cũng mắc phải những sai lầm nghiêm trọng. Cải cách ruộng đất và chinh đồn tồ chức đã gây ra những tổn thất không nhỏ và để lại một vết thương lâu lành trong tư tưởng, tình cảm của cán bộ, quần chúng. Việc đồng nhất cải tạo xã hội chủ nghĩa với xóa bỏ tràn lan các thành phần kinh tế tư nhân, đồng nhất hợp tác hóa với tập thể hóa, đầu tư bất hợp lý cho công nghiệp nặng... đã cản trở không ít bước phát triển lâu dài của nền kinh tế. Những sai lầm này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nhận thức đơn giản, ấu trĩ về chủ nghĩa xã hội và cả nhận thức giáo điều về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản.

2.2. Vào những năm cuối thập kỷ 60- đầu thập kỷ 70, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ mở rộng ra phạm vi cả nước với mức độ hết sức ác liệt.

Thực tiễn khắc nghiệt của chiến tranh đã đòi hỏi và bắt buộc miền Bắc phải tự điều chỉnh kết cấu thượng tầng và cơ sở hạ tầng. Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (tháng 3-1965), lần thứ 12 (tháng 12-1965) đã chủ trương chuyển hướng về tư tưởng, tồ chức và phương hướng phát triển kinh tế. Chủ trương chuyển hướng của Đảng tạo cơ sở để hệ thống chính trị miền Bắc có những điều chỉnh quan trọng.

Về mục tiêu và phương hướng hành động, tất cả các tồ chức chính trị của ĐẢNG, của DÂN đều đặt lên hàng đầu khẩu hiệu "chống Mỹ cứu nước" - coi đó là "nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mỗi người Việt yêu nước". Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trở thành động lực hoạt động của tất cả các đoàn thể, các tồ chức chính trị- xã hội. "Ba sẵn sàng", "Ba đảm đang", "Ba quyết tâm"... chính là biểu tượng sức mạnh của cả một hệ thống chính trị cách mạng trong cuộc thử thách máu lửa.

Về lực lượng cách mạng, vấn đề đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân được đặc biệt nhấn mạnh "Chuyên chính vô sản", "đấu tranh giai cấp" ít được nói đến (có chăng chỉ là những chuyên khảo thuần túy lý luận) ĐỘC LẬP, TỰ DO, HÒA BÌNH, THỐNG NHẤT, DÂN TỘC, NHÂN DÂN và sự thống nhất cao độ giữa ĐẢNG-NHÀ NƯỚC-NHÂN DÂN trở thành mối quan tâm chung, tạo ra sự cố kết bền vững của toàn bộ hệ thống chính trị, tạo ra một sức mạnh vô địch đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Rõ ràng, trong những năm kháng chiến, hệ thống chính trị cách mạng ở miền Bắc đã có một bước chuyển rất căn bản cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn. Đó là nét sáng tạo Việt Nam trong khi tiếp nhận và vận dụng lý luận Mác-Lênin về chuyên chính vô sản.

3. Hệ thống chính trị cách mạng ở miền Nam- sự kế thừa, phát triển tài tình kinh nghiệm của thời kỳ tiền khởi nghĩa trong một hoàn cảnh lịch sử mới.

3.1. Từ một hệ thống chính trị cách mạng hoàn chỉnh, thống nhất trong phạm vi cả nước đã được hình thành, củng cố sau cách mạng tháng Tám và trong cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược, bước vào giai đoạn 1954-1975. Trước yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, Đảng ta chủ trương bảo vệ, nuôi dưỡng, phát triển hệ thống chính trị vốn có ở phía Nam, tạo ra một màu sắc mới phù hợp với sách lược đối ngoại. Vì vậy, mà ở miền Nam trong gần 20 năm đã xuất hiện một hệ thống chính trị cách mạng tương như hoàn toàn mới, nhưng thực ra chỉ là sự tiếp tục những cơ sở vốn có.

Tuy nhiên, cũng cần nhớ lại rằng, quá trình khôi phục, phát triển, cải tiến hệ thống chính trị cách mạng ở miền Nam đã diễn ra trong một hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt. Sau Hội nghị Giơnevơ, phần lớn lực lượng vũ trang cách mạng và một bộ phận cán bộ chính trị đã tập kết ra Bắc. Lực lượng cách mạng còn lại đã phải đối đầu với những thủ đoạn "tố cộng, diệt cộng", các thủ đoạn "dồn dân, lập ấp", "bình định" hết sức tàn bạo của kẻ thù.

Trong bối cảnh đó, đề duy trì, nuôi dưỡng, cải tiến hệ thống chính trị cách mạng ở Miền Nam, Đảng ta đã tìm chọn một phương pháp, bước đi đúng đắn. Trong quá trình đó, những bài học kinh nghiệm đúc kết từ thời kỳ tiền khởi nghĩa đã được kế thừa, phát triển ở một trình độ mới.

3.2. Cũng như trước đây, điểm bắt đầu của hệ thống chính trị cách mạng ở miền Nam là việc bảo vệ, củng cố tổ chức Đảng. Từ xứ ủy Nam kỳ đến Trung ương cục với tên gọi "Đảng nhân dân cách mạng"; từ "Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam" đến sự xuất hiện một tổ chức mới "Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình", từ các ủy ban tự quản, đến ủy ban giải phóng, ủy ban cách mạng đề tiến tới thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam... chính là phương thức hình thành, hoàn thiện từng bước hệ thống chính trị cách mạng ở miền Nam. Phương thức này gợi nhớ lại phương thức hình thành hệ thống chính trị cách mạng giai đoạn 1930-1945: Đảng cộng sản Đông dương - Mặt trận Việt Minh - các tổ chức tiền chính phủ - Chính phủ cách mạng lâm thời.

Đi từ Đảng cộng sản, từ các đoàn thể, tổ chức chính trị quần chúng, tiêu biểu là mặt trận dân tộc thống nhất, tiến tới hình thành các tổ chức tiền nhà nước, để cuối cùng hoàn chỉnh bộ máy nhà nước - đó là qui luật vận động có tính đặc thù của hệ thống chính trị cách mạng Việt Nam.

3.3. Trong quá trình tồn tại và hoạt động của hệ thống chính trị cách mạng ở miền Nam, tính chất DÂN TỘC, tính chất NHÂN DÂN được thể hiện rất đậm nét. Đồng thời với việc khẳng định vai trò của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, của liên minh công nông, Đảng, Mặt trận dân tộc giải phóng, Chính phủ cách mạng lâm thời hết sức coi trọng tập hợp, phát huy sức mạnh của tất cả các lực lượng yêu nước, tiến bộ thuộc các giai tầng xã hội. Phong trào đấu tranh quyết liệt của học sinh, sinh viên với các chiến dịch "xuống đường", "hát cho đồng bào tôi nghe", của Phật tử yêu nước với gương sáng của Hòa thượng Thích Quảng Đức; của các sĩ quan, binh lính yêu nước với các phong

trào phản chiến... là những dẫn chứng sinh động về tính chất dân tộc; tính chất nhân dân và sức mạnh của hệ thống chính trị cách mạng ở miền Nam.

Xây dựng, kiện toàn một hệ thống chính trị vững mạnh ở hậu phương lớn, xây dựng, củng cố một hệ thống chính trị cách mạng ngay trên tiền tuyến lớn, buộc hệ thống chính trị phản cách mạng của Mỹ-Ngụy phải đối phó từ mọi phía- đó là chiến lược, sách lược chính trị, là nghệ thuật tạo thế và lực trong cuộc đấu tranh chính trị với kẻ thù của Đảng cộng sản Việt Nam.

4. Những nhận thức và bài học rút ra từ thực tiễn lịch sử.

4.1. Nếu nhìn một cách tổng thể về hệ thống chính trị cách mạng trên phạm vi cả nước, có thể thấy một điểm nổi bật là, hệ thống chính trị đó, ở những mức độ khác nhau, đều thể hiện rõ nét tính chất NHÂN DÂN, tính chất DÂN TỘC. Điều này, về khách quan là tất yếu, vì giai đoạn 1954-1975, vấn đề bảo vệ độc lập, dân tộc, thống nhất đất nước trở thành nhu cầu sống còn, muốn phát huy vai trò, hệ thống chính trị cách mạng nhất định phải mang tính chất nhân dân, tính chất dân tộc. Nhưng vấn đề không phải chỉ là ở đó, mà dường như ở một đất nước vốn là thuộc địa, một đất nước nông nghiệp, sản xuất nhỏ còn phổ biến, hệ thống chính trị cần và phải thể hiện được tính chất nhân dân, tính chất dân tộc. Đề cao, nhấn mạnh một chiều tính chất giai cấp của hệ thống chính trị ở một đất nước như Việt Nam dường như có phần không thích hợp. Nói như vậy không phải là không có cơ sở. Không trở lại giai đoạn 1954-1975, mà nói về giai đoạn tiếp theo (1975-1985), sau khi đất nước thống nhất, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mở rộng trên phạm vi cả nước, chúng ta có xu hướng quay lại đề cao vấn đề giai cấp. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa lại được triển khai với qui mô mới, nhịp điệu mới. Hệ thống chính trị được điều chỉnh cả về cơ cấu và phương thức hoạt động, nhất là bộ máy nhà nước, với mong muốn thể hiện đậm nét tính chất xã hội chủ nghĩa. Thực tế của một thập kỷ sau kháng chiến chống Mỹ với những khó khăn, vấp vấp nhiều mặt về kinh tế - xã hội đã chứng tỏ những điểm chưa hợp lý, kém hiệu quả của hệ thống chính trị một khi quá chú trọng đề cao tính chất giai cấp, tính chất xã hội chủ nghĩa !

Nếu nhận xét trên là đúng thì một vấn đề lý luận sẽ đặt ra: ở nước ta, tính chất của hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội phải được xác định như thế nào cho phù hợp !

4.2. Một trong những ưu điểm nổi bật của hệ thống chính trị cách mạng giai đoạn 1954-1975 là sự tập trung và thống nhất cao độ của toàn bộ hệ thống. Giữa Đảng với Nhà nước, với các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng theo nguyên tắc đề cao một cách tuyệt đối như một cơ thể sống, hành động theo sự chỉ đạo từ trung tâm thần kinh- Ban chấp hành Trung ương Đảng. Đó chính là nền tảng vững chắc tạo ra sự thống nhất cao độ về chính trị, tinh thần của toàn dân tộc. Nếu không có sự tập trung, thống nhất tự giác và vững chắc đó dân tộc ta không thể đương đầu và đánh bại sức mạnh bom đạn ghê gớm của đế quốc Mỹ.

4.3. Không còn gì nghi ngờ nữa, hệ thống chính trị cách mạng giai đoạn 1954-1975 đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử của nó. Thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, công cuộc xây dựng, bảo vệ hậu phương miền Bắc là những thành tựu to lớn không ai và không bao giờ có thể phủ định được.

Tuy nhiên, nói như vậy hoàn toàn không có nghĩa là hệ thống chính trị những năm

1954-1975 đã là hoàn hảo đến mức không có gì phải bàn, phải thay đổi. Có thể nói ngay rằng, hệ thống chính trị luôn luôn là sản phẩm của một hoàn cảnh lịch sử cụ thể và sẽ phải thay đổi một khi hoàn cảnh, điều kiện lịch sử thay đổi.

Hệ thống chính trị giai đoạn 1954-1975, nhìn từ góc độ nào đó, là một hệ thống chính trị thời chiến, là sản phẩm của một giai đoạn đất nước bị chia cắt và chiến tranh kéo dài. Bên cạnh những yếu tố hợp lý, những nét ưu việt về bản chất, hệ thống chính trị lúc đó cũng chứa đựng những yếu tố bất hợp lý, những hạn chế- những yếu tố này đã và đang còn có những tác động tiêu cực sau khi chiến tranh đã kết thúc.

Trước hết, tính chất tập trung cao độ và tuyệt đối hóa sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị đã đưa tới một tình trạng: Đảng bao biện, làm thay nhà nước; nhà nước can thiệp quá sâu vào hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức chính trị- xã hội của quần chúng. Trong chiến tranh, sự tồn tại của một cơ chế như vậy là cần thiết và có hiệu quả, nhưng khi chiến tranh chấm dứt, cơ chế này không được điều chỉnh sẽ trở thành tiền đề đẻ ra cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp rất nguy hại, gần theo đó là thói quen mệnh lệnh của cấp trên, thụ động, ỷ lại của cấp dưới. Phải định rõ mối quan hệ: Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong hoạt động của hệ thống chính trị sau 30 năm chiến tranh liên tục, quan hệ chỉ huy- phục tùng và quan niệm "Đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện, trực tiếp" đã thành thói quen, đã hằn sâu trong nếp nghĩ... không phải là một việc làm đơn giản.

Mặt khác, trong 47 năm tồn tại, phát triển, hệ thống chính trị ở nước ta đã phải trải qua gần 2/3 thời gian hoạt động trong hoàn cảnh chiến tranh- chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ. Trong chiến tranh, mệnh lệnh, chỉ thị có sức mạnh hơn pháp luật; linh hoạt, tùy tiện theo kiểu du kích, đã trở thành thói quen khó sửa. Xây dựng một hệ thống chính trị hoạt động trên cơ sở pháp luật; xây dựng một phương thức, một phong cách hoạt động của các tổ chức, các đoàn thể, các cán bộ quần chúng theo kỷ cương, theo luật pháp là cả một quá trình phấn đấu rèn luyện lâu dài...

Chúng ta, đang trần trụi tìm chọn một giải pháp đúng đắn để từng bước đổi mới, chấn chỉnh hệ thống chính trị. Nhưng đổi mới không có nghĩa là phủ định hoàn toàn cái vốn có, cái đã có. Từ thực tiễn lịch sử những năm 1954-1975 có thể rút ra một kết luận: Tăng cường tính chất nhân dân, củng cố tính thống nhất và xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng-nhà nước-nhân dân trên cơ sở kỷ cương, pháp luật... là cái đích cần đạt tới của hệ thống chính trị đổi mới

CHÚ THÍCH

(1) Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (khóa II), tháng 5-1959.

(2)* *Việt luật học: Sơ thảo lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam (từ cách mạng tháng Tám đến nay: Nhà xuất bản Khoa học xã hội, HN 1983).*

(3) *Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại Hòa bình ở Việt Nam. 27/1/1973.*

(4) *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng lao động Việt Nam, tập I, Nxb Sự thật, H. 1960, tr. 179.*

(5) *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa 1960, trong "Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam- Bình luận". Nxb KHXH, H. 1985, tr.410*

(6) *Hồ Chí Minh: Tuyển tập, tập II, Nxb Sự thật, H. 1980, tr. 316.*